

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/DS-PT

Ngày: 08-3-2024

*V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất
và chia thừa kế tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 524/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và chia thừa kế tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 429/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số G, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần D, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1960 (có mặt);

2. Bà Trần Thị C1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

4. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

5. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1078. Địa chỉ: Số B X, New Taipei C2, Đài Loan (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị C1 và Trần Thị H1: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1976 (có mặt).

- Người kháng cáo: nguyên đơn ông Trần Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thanh L trình bày:

Cha là ông Trần Bạc L1 chết ngày 20/4/1987 và mẹ là bà Sơn Thị X chết ngày 21/5/2011. Cha mẹ có 07 người con chung là: Trần Thị C, Trần D, Trần Thị C1, Trần Thanh H, Trần Thị T, Trần Thị H1 và Trần Thanh L. Ngoài ra, cha mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Trước khi cha mẹ chết không có lập di chúc.

Di sản thừa kế của cha, mẹ để lại gồm có:

- Một miếng đất vườn do cha, mẹ nhận chuyển nhượng của bà Lý Thị Minh H2 vào năm 1980 (hiện nay bà H2 không biết ở đâu, còn sống hay đã chết) thuộc thửa 141 và thửa 143 tờ bản đồ số 08, diện tích khoản 03 công (tương đương 3.300m²) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng thì cha, mẹ sử dụng đến khi nguyên đơn trưởng thành thì giao cho nguyên đơn sử dụng, nguyên đơn đã sử dụng phần đất này đến nay hơn 30 năm. Trên đất có trồng cây ăn trái và cất một căn nhà (đến nay căn nhà đã hư hỏng hết không còn sử dụng). Vào năm 2011, bị đơn Trần D vào chiếm sử dụng cho đến nay.

- Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03 diện tích 15.400m² trồng lúa tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Sơn Thị X đứng tên ngày 30/5/1993. Phần đất này nguyên đơn đã sử dụng cùng với cha, mẹ từ nhỏ cho đến năm 2021 thì bị đơn Trần D vào chiếm sử dụng cho đến nay. Trong phần đất này vào khoảng năm 2000, Nhà nước làm kênh có bồi thường cho mẹ nguyên đơn là bà Sơn Thị X nhận tiền bồi thường nhưng không biết là bao nhiêu và nhận vào thời gian nào. Ngoài ra, vào năm 2013-2014, nguyên đơn có nhận tiền bồi hoàn 500m² do làm trụ điện cao thế với giá là 17.500.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu bị đơn Trần D trả lại cho nguyên đơn phần đất thuộc thửa 141 và thửa 143 tờ bản đồ số 08, diện tích khoảng 03 công (tương đương 3.300m²) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do phần đất này cha, mẹ đã cho nguyên đơn.

2. Chia thừa kế Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, diện tích 15.400m², đất trồng lúa tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng làm 08 phần bằng nhau; nguyên đơn được hưởng 02 phần do có công gìn giữ và nuôi mẹ trước khi chết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần D trình bày:

Cha là ông Trần Bạc L1 chết năm 1987 và mẹ là bà Sơn Thị X chết năm 2010. Cha mẹ có 07 người con chung là: Trần Thị C, Trần D, Trần Thị C1, Trần Thanh H, Trần Thị T, Trần Thị H1 và Trần Thanh L. Ngoài ra, cha mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Trước khi cha mẹ chết không có lập di chúc.

Về tài sản cha, mẹ tạo lập gồm có: Đất vườn 3.300m² do cha mẹ mua của bà Lý Thị Minh H2 vào năm 1980, đất này đến nay vẫn chưa có quyền sử dụng đất; trên đất có dừa đã trồng sẵn khi mua đất, cha mẹ có cất một căn nhà nhưng đã hư hỏng không còn sử dụng; trước đây nguyên đơn Trần Thanh L sử dụng đất này đến năm 2011 thì bị đơn sử dụng cho đến nay. Còn một thửa đất ruộng do mẹ đứng tên quyền sử dụng đất diện tích khoảng 15.000m² hiện nay bị đơn và Trần Thanh H đang sử dụng.

Bị đơn không đồng ý trả phần đất vườn theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu chia thừa kế toàn bộ tài sản của cha, mẹ để lại làm 07 phần bằng nhau, bị đơn xin nhận hiện vật.

Ông Trần Thanh H, bà Trần Thị T và bà Trần Thị C trình bày: Cha là ông Trần Bạc L1 chết năm 1987 và mẹ là bà Sơn Thị X chết năm 2010. Cha mẹ có 07 người con chung là: Trần Thị C, Trần D, Trần Thị C1, Trần Thanh H, Trần Thị T, Trần Thị H1 và Trần Thanh L. Ngoài ra, cha mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Trước khi cha mẹ chết không có lập di chúc.

Về tài sản của cha, mẹ để lại gồm: Đất ruộng khoảng hơn 15.000m² do mẹ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vào khoảng năm 2000, mẹ có nhận bồi thường một phần do Nhà nước làm kênh, số tiền bao nhiêu thì các ông, bà không biết. Đối với phần đất vườn do cha, mẹ mua của bà Lý Thị Minh H2 vào năm 1980 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, bà H2 đang ở đâu còn sống hay đã chết thì không biết. Hiện nay, phần đất ruộng do ông Trần D và ông Trần Thanh H đang quản lý; còn đất vườn do ông Trần D đang quản lý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Thanh H, bà Trần Thị T và bà Trần Thị C yêu cầu chia thừa kế toàn bộ di sản của cha, mẹ để lại là đất ruộng và đất vườn làm 07 phần bằng nhau, nhận thừa kế bằng hiện vật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 141 và thửa 943 tờ bản đồ số 08, theo đo đạc thực tế diện tích là 4.115,4m² tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng của nguyên đơn Trần Thanh L đối với bị đơn Trần D.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Bạc L1 và cụ Sơn Thị X chết để lại gồm: thửa đất số 359, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, theo đo đạc thực tế là 15.454,1m², (có 2.848,7m² là diện tích bờ kênh) và thửa 141 và thửa 943 tờ bản đồ số 08, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo đo đạc thực tế diện tích là 4.115,4m² (có 365,8m² là bờ kênh).

3. Chia thừa kế thừa đất số 359, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- 3.1. Chia cho ông Trần D diện tích $1.800,77\text{m}^2$ có tứ cận:
- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 45,19m
 - Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 28,91m + 16,54m
 - Hướng Nam giáp thửa 350 có số đo: 39,67m
 - Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông L có số đo: 40,53m
- 3.2. Chia cho ông Trần Thanh L diện tích $1.800,77\text{m}^2$ có tứ cận:
- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 44,44m
 - Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 18,49m + 20,32m + 5,50m
 - Hướng Nam giáp đất chia cho ông D có số đo: 40,53m
 - Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà H1 có số đo: 40,72m
- 3.3. Chia cho bà Trần Thị H1 diện tích $1.800,77\text{m}^2$ có tứ cận:
- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 44,14m
 - Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 24,38m + 12,67m + 7,23m
 - Hướng Nam giáp đất chia cho ông L có số đo: 40,72m
 - Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà C có số đo: 42,01m
- 3.4. Chia cho bà Trần Thị C diện tích $1.800,77\text{m}^2$ có tứ cận:
- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 23,11m
 - Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 14,96m + 2,48m + 3,97m + 6,55m
 - Hướng Nam giáp đất chia cho bà H1 và thửa 356 có số đo: 42,01m + 84,56m + 3,32m
 - Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà T có số đo: 134,21m
- 3.5. Chia cho bà Trần Thị T diện tích $1.800,77\text{m}^2$ có tứ cận:
- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 13,12m
 - Hướng Tây giáp thửa 357 có số đo: 12,61m
 - Hướng Nam giáp đất chia cho bà C có số đo: 134,21m
 - Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà C1 có số đo: 134,30m
- 3.6. Chia cho bà Trần Thị C1 diện tích $1.800,77\text{m}^2$ có tứ cận:
- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 12,90m
 - Hướng Tây giáp thửa 357 có số đo: 14,07m
 - Hướng Nam giáp đất chia cho bà T có số đo: 134,30m
 - Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông H có số đo: 134,76m
- 3.7. Chia cho ông Trần Thanh H diện tích $1.800,77\text{m}^2$ có tứ cận:
- Hướng Đông giáp bờ kênh và thửa 360 có số đo: 7,43m + 11,27m + 1,59m + 1,69m
 - Hướng Tây giáp thửa 357 có số đo: 12,19m
 - Hướng Nam giáp đất chia cho bà C1 có số đo: 134,76m.
 - Hướng Bắc giáp thửa 360, 358, 357 có số đo: 40,55m + 90,46m

4. Chia thừa kế thừa 141 và thửa 943 tờ bản đồ số 08, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng như sau:

4.1. Chia cho ông Trần Thanh L diện tích $535,65\text{m}^2$ (có $42,85\text{m}^2$ đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp thửa 140 và 139 có số đo: $22,10\text{m} + 34,38\text{m}$
- Hướng Tây giáp đất chia cho bà H1 có số đo: $55,86\text{m}$
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: $9,77\text{m}$
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: $9,92\text{m}$

4.2. Chia cho bà Trần Thị H1 diện tích $535,65\text{m}^2$ (có $42,85\text{m}^2$ đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông L có số đo: $55,86\text{m}$
- Hướng Tây giáp đất chia cho ông D có số đo: $55,25\text{m}$
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: $9,88\text{m}$
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: $10,03\text{m}$

4.3. Chia cho ông Trần D diện tích $535,65\text{m}^2$ (có $42,85\text{m}^2$ đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho bà H1 có số đo: $55,25\text{m}$
- Hướng Tây giáp đất chia cho bà C1 có số đo: $54,90\text{m}$
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: $9,97\text{m}$
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: $6,16\text{m} + 3,90\text{m}$

4.4. Chia cho bà Trần Thị C1 diện tích $535,65\text{m}^2$ (có $42,85\text{m}^2$ đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông D có số đo: $54,90\text{m}$
- Hướng Tây giáp đất chia cho bà T có số đo: $54,71\text{m}$
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: $10,01\text{m}$
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: $10,05\text{m}$

4.5. Chia cho bà Trần Thị T diện tích $535,65\text{m}^2$ (có $42,85\text{m}^2$ đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho bà C1 có số đo: $54,71\text{m}$
- Hướng Tây giáp đất chia cho ông H có số đo: $53,82\text{m}$
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: $10,06\text{m}$
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: $5,29\text{m} + 5,06\text{m}$

4.6. Chia cho ông Trần Thanh H diện tích $535,65\text{m}^2$ (có $42,85\text{m}^2$ đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho bà T có số đo: $53,82\text{m}$
- Hướng Tây giáp đất chia cho bà C có số đo: $53,03\text{m}$
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: $10,06\text{m}$
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: $11,13\text{m}$

4.7. Chia cho ông Trần Thị C diện tích 535,65m² (có 42,85m² đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông H có số đo: 52,03m
- Hướng Tây giáp thửa 143,144 có số đo: 40,52m
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: 10,31m
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: 11,56m

(Có sơ đồ kèm theo)

5. Các phần chia cho Trần Thị H1 giao cho nguyên đơn Lập quản lý và có trách nhiệm giao lại cho bà H1 khi bà H1 có yêu cầu, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

6. Về chi phí thẩm định, định giá: các ông (bà) Trần Thị C; Trần D; Trần Thị C1; Trần Thanh H; Trần Thị T; Trần Thị H1 và Trần Thanh L mỗi người phải chịu 4.141.500 đồng. Do ông Trần Thanh L đã nộp trước 28.990.000 đồng nên các ông (bà) C, D, C1, H, T, H1 có trách nhiệm nộp mỗi người 4.141.500 đồng để hoàn trả cho ông L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/5/2023, nguyên đơn ông Trần Thanh L kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L và đề nghị chia phần quyền sử dụng đất của bà C1 và bà H1 (đã ủy quyền cho ông L) liên kết với phần đất của ông để ông L dễ quản lý, sử dụng, canh tác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông L đại diện cho bà C1 và bà H1 trình bày: suất thừa kế bằng quyền sử dụng đất của bà C1 và bà H1 sẽ giao cho ông L và ông L sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị suất thừa kế bằng tiền Việt nam đồng cho bà C1 và bà H1.

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H, bà Trần Thị C, bà Trần Thị T yêu cầu y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và việc trình bày của các đương sự thì có căn cứ xác định di sản của cụ Trần Bạt L2 và cụ Sơn Thị X là quyền sử dụng đất thửa 141 và thửa 943 tờ bản đồ số 08, theo đo đạc thực tế diện tích là 4.115,4m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất số 359, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, theo đo đạc thực tế là 15.454,1m², (có 2.848,7m² là diện tích bờ kênh). Ông Trần Thanh L không chứng minh được bà X đã cho ông phần diện tích đất thuộc thửa 141 và thửa 943 tờ bản đồ số 08, cũng như yêu cầu được chia 02 kỷ phần thừa kế do có công sức gìn giữ di sản và nuôi dưỡng bà X nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản đều

cho các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thanh L làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C1 và bà Trần thị H3 vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, theo Biên bản thẩm định ngày 19/9/2022 có diện tích đo đạc thực tế là 15.454,1m²; trong phần đất có bờ kênh do Nhà nước đào diện tích 2.848,7m² đã được cấp Giấy chứng nhận cho bà Sơn Thị X; phần đất này các đồng thừa kế là ông D, ông L, bà C, bà T, bà C1, bà H3 và ông H đều xác định đây là di sản thừa kế của bà Sơn Thị X và yêu cầu chia thừa kế. Tuy nhiên, ông L yêu cầu chia di sản thành 8 phần bằng nhau và ông L được nhận hai phần còn mỗi người được nhận một phần vì ông có công gìn giữ di sản và chăm sóc bà X. Nhưng trên thực tế, phần diện tích đất này do ông D và ông H đang cùng sử dụng và bà X đã chết tại nước ngoài từ năm 2011 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn và chia di sản đều cho các đồng thừa kế là có căn cứ.

[2.2] Đối với thửa đất số 141 và thửa 943, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích khoảng 03 công (tương đương 3.300m²). Theo Biên bản thẩm định ngày 19/9/2022 và sơ đồ hiện trạng thửa đất thì diện tích thực tế hai thửa 141 và 943 là 4.115,4m² (có 365,8m² là bờ kênh), nhiều hơn so với sổ mục kê. Tại Công văn số 44/UBND-VP ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện C (bút lục 81) thể hiện: Chênh lệch giữa diện tích thực tế sử dụng và diện tích theo sổ mục kê có nhiều nguyên nhân như sai sót trong quá trình đo đạc trước đây, ranh thửa đất thay đổi trong quá trình sử dụng đất, sai khác số liệu do đo đạc thủ công trước đây và số liệu bằng máy đo đạc thực tế. Phần đất này có nguồn gốc của ông Trần Bạc L1 nhận chuyển nhượng của bà Lý Thị Minh H2 vào năm 1980. Các đương sự đều thống nhất đây là tài sản chung của ông L1 và bà X.

Ông Trần Thanh L cho rằng khi còn sống thì bà Sơn Thị X (mẹ ruột ông L) đã cho ông L phần đất này nhưng ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh; các đồng thừa kế của ông L1 và bà X đều không thừa nhận việc bà X cho ông L phần đất này nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất này của ông L và chia đều cho các đồng thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc loại đất nông nghiệp mà bà H3 là người Việt Nam định cư tại nước ngoài nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho bà H3 bằng quyền sử dụng đất là không phù hợp theo quy định tại Điều 169 của Luật đất đai năm 2013. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Thanh L là đại diện cho bà H3, bà C1 trình bày suất thừa kế là quyền sử dụng đất của bà H3, bà C1 được nhận thì bà H3, bà C1 đồng ý giao cho ông L nhận và ông L sẽ có trách nhiệm thanh toán lại giá trị suất thừa kế cho bà H3, bà C1 bằng tiền Việt Nam đồng; đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa và ông D, bà C, bà T, ông H không ai phản đối ý kiến này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H3, bà C1, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Như vậy, ông L sẽ được thừa kế phần diện tích thuộc thửa đất số 141 và thửa 943, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là $535,65m^2 \times 3$ (kỷ phần) = $1.606,95m^2$ và phần diện tích thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là $1.800,77m^2 \times 3$ (kỷ phần) = $5.402,31m^2$. Ông L có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà C1, bà H3 số tiền bằng Việt Nam đồng tương ứng với giá trị phần di sản thừa kế mà bà C1 và bà H3 được nhận; đồng thời sẽ điều chỉnh vị trí đất thừa kế ông L được nhận để thuận lợi cho việc canh tác.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự còn trình bày về việc trên phần đất chia thừa kế có cây trồng lâu năm và lúa nước nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án chia thừa kế và không tranh chấp phần tài sản này; khi thi hành án các đương sự sẽ tự thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với các tài sản trên đất.

Các đương sự không kháng cáo về chi phí tố tụng, án phí và chi phí ủy thác nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung chia đều di sản cho các đồng thừa kế là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông L không phải nộp án phí.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thanh L; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng:

- Điều 103, Điều 169 Luật đất đai năm 2013;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ, phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1 Không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 141 và thửa 943, tờ bản đồ số 08, theo đo đạc thực tế diện tích là 4.115,4m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng của nguyên đơn Trần Thanh L đối với bị đơn Trần D.

1.2 Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Bạc L1 và cụ Sơn Thị X chết để lại gồm: thửa đất số 359, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, theo đo đạc thực tế là 15.454,1m², (có 2.848,7m² là diện tích bờ kênh) và thửa 141, thửa 943 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo đo đạc thực tế diện tích là 4.115,4m² (có 365,8m² là bờ kênh).

1.3 Chia thừa kế thừa đất số 359, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1.3.1 Chia cho ông Trần D diện tích 1.800,77m² có tứ cận:

- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 45,19m;
- Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 28,91m + 16,54m;
- Hướng Nam giáp thửa 350 có số đo: 39,67m;
- Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông L có số đo: 40,53m.

1.3.2 Chia cho ông Trần Thanh L diện tích 5.402,31m² có tứ cận:

- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 44,44m + 44,14m + 23,11m;
- Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 18,49m + 20,32m + 5,50m + 24,38m + 12,67m + 7,23m + 14,96m + 2,48m + 84,56m + 3,32m + 3,97m + 6,55m;
- Hướng Nam giáp đất chia cho ông D có số đo: 40,53m;
- Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà T có số đo: 134,21m.

1.3.3 Chia cho bà Trần Thị T diện tích 1.800,77m² có tứ cận:

- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 13,12m;
- Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 12,61m + 1,24m;
- Hướng Nam giáp đất chia cho ông L có số đo: 134,21m;
- Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà C có số đo: 134,30m.

1.3.4 Chia cho bà Trần Thị C diện tích 1.800,77 m² có tứ cận:

- Hướng Đông giáp bờ kênh có số đo: 12,90m;
- Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 14,07m;
- Hướng Nam giáp đất chia cho bà T có số đo: 134,30m;
- Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông H có số đo: 134,76m.

1.3.5 Chia cho ông Trần Thanh H diện tích 1.800,77m² có tứ cận:

- Hướng Đông giáp bờ kênh và thửa 360 có số đo: 7,43m + 1,24m + 40,55m + 1,69m + 1,59m + 11,27m;
- Hướng Tây giáp thửa 356 có số đo: 12,19m;
- Hướng Nam giáp đất chia cho bà C có số đo: 134,76m;
- Hướng Bắc giáp thửa 358, 357 có số đo: 10,26m + 20,94m + 32,36m + 20,02m + 6,88m.

1.4 Chia thừa kế thửa 141 và thửa 943 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1.4.1 Chia cho ông Trần Thanh L diện tích 1.606,95m² (có 128,55m² đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp thửa 140 và 139 có số đo: 22,10m + 34,38m;
- Hướng Tây giáp đất chia cho ông D có số đo: 54,90m;
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: 9,77m + 9,88m + 9,97m;
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: 9,92m + 10,03m + 3,90m + 6,16m.

1.4.2 Chia cho ông Trần D diện tích 535,65m² (có 42,85m² đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông L có số đo: 54,90m;
- Hướng Tây giáp đất chia cho bà T có số đo: 54,71m;
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: 10,01m;
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: 10,05m.

1.4.3 Chia cho bà Trần Thị T diện tích 535,65m² (có 42,85m² đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông D có số đo: 54,71m;
- Hướng Tây giáp đất chia cho ông H có số đo: 53,82m;
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: 10,06m;
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: 5,29m + 5,06m.

1.4.4 Chia cho ông Trần Thanh H diện tích 535,65m² (có 42,85m² đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho bà T có số đo: 53,82m;
- Hướng Tây giáp đất chia cho bà C có số đo: 52,03m;

- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: 10,06m;
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: 11,13m.

1.4.5 Chia cho ông Trần Thị C diện tích 535,65m² (có 42,85m² đất thổ cư) có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông H có số đo: 52,03m;
- Hướng Tây giáp thửa 143,144 có số đo: 40,52m + 9,63m;
- Hướng Nam giáp thửa 142 có số đo: 10,31m;
- Hướng Bắc giáp bờ kênh có số đo: 11,56m.

(Dựa theo sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).

1.5 Ông Trần Thanh L có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Trần Thị C1 số tiền là $(535,65\text{m}^2 + 1.800,77\text{m}^2) \times 216,709 \text{ đồng/m}^2 = 506.323.242 \text{ đồng}$.

1.6 Ông Trần Thanh L có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Trần Thị H1 mỗi người số tiền là $(535,65\text{m}^2 + 1.800,77\text{m}^2) \times 216,709 \text{ đồng/m}^2 = 506.323.242 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: các ông (bà) Trần Thị C, Trần D, Trần Thị C1, Trần Thanh H, Trần Thị T, Trần Thị H1 và Trần Thanh L mỗi người phải chịu 4.141.500 đồng. Do ông Trần Thanh L đã nộp trước 28.990.000 đồng nên các ông (bà) C, D, C1, H, Tuyết, H1 có trách nhiệm nộp mỗi người 4.141.500 đồng để hoàn trả cho ông Lập.

3. Chi phí ủy thác tư pháp: Nguyên đơn ông Trần Thanh L phải chịu 200.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001563 ngày 26/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn Trần Thanh L phải chịu 12.350.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng đã nộp 2.160.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001146 ngày

09/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn Trần Thanh L tiếp tục nộp thêm 10.190.000 đồng.

+ Các ông (bà) Trần Thị C, Trần D, Trần Thị C1, Trần Thanh H, Trần Thị T, Trần Thị H1 mỗi người phải chịu 12.350.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Thanh L không phải chịu; hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009364 ngày 31/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
CÁC THÀNH VIÊN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy Nguyễn Thị Thúy Hòa

Nguyễn Thị Cúc